



Working Paper 2022.2.5.04
- Vol 2, No 5

CHIA TÀI SẢN CHUNG CỦA VỢ CHỒNG TRONG THỜI KỲ HÔN NHÂN ĐỂ ĐẦU TƯ, KINH DOANH THỜI KÌ CÔNG NGHỆ SỐ

Đoàn Trung Anh¹, Bùi Thị Phương Thảo

Sinh viên K57 Luật Thương mại quốc tế - Khoa Luật
Trường Đại học Ngoại Thương, Hà Nội, Việt Nam

Nguyễn Thị Lan

Giảng viên Khoa Luật
Trường Đại học Ngoại Thương, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt

Trong bối cảnh hiện tại, Cách mạng Công nghệ đánh dấu thay đổi lớn trong mọi mặt của đời sống xã hội, đặc biệt là đối với sự vận động, phát triển của nền kinh tế thị trường. Việc ứng dụng nền tảng số là xu thế tất yếu, nâng cao lợi thế cạnh tranh và tối ưu hóa hoạt động kinh doanh của cá nhân cũng như của doanh nghiệp. Vấn đề được đặt ra ở đây là khi một bên vợ, chồng tham gia vào hoạt động đầu tư, kinh doanh thì quyền sở hữu tài sản của vợ chồng sẽ được xác định như thế nào để đảm bảo tối đa quyền và lợi ích của bên chồng, vợ còn lại và quyền và lợi ích của bên thứ ba có liên quan nhưng lại có thể đảm bảo quyền tự do kinh doanh của các chủ thể. Để tương thích và đảm bảo quyền tự do kinh doanh của vợ chồng trong thời kỳ công nghệ số, pháp luật hôn nhân và gia đình đặt ra vấn đề chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân bên cạnh các chế định khác như chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận, thỏa thuận chia tài sản khi ly hôn... Bài nghiên cứu sẽ tập trung đi sâu vào nghiên cứu một số vấn đề pháp lý về chia tài sản của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, đồng thời đóng góp một số giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về vấn đề này.

Từ khoá: thỏa thuận; chia tài sản chung; thời kỳ hôn nhân; đầu tư, kinh doanh; công nghệ số.

DIVIDE THE COMMON PROPERTY OF HUSBAND AND WIFE DURING MARRIAGE TO INVEST IN BUSINESS IN THE DIGITAL AGE

Abstract

In the current context, the Technological Revolution marks a major change in all aspects of social life, especially in the movement and development of the market economy. The application of digital platforms is an inevitable trend, enhancing competitive advantages and optimizing business activities of individuals as well as enterprises. The problem here is that business investment activities are not only subject to individuals or businesses but also households and couples. So, the

¹ Tác giả liên hệ, Email: doantrunganh22@gmail.com

question is that with the current trend of digital transformation business, households and couples who want to conduct business investment activities, the right to own property when participating in investment activities is required. with these subjects will be protected based on the provisions of current law. In order to be compatible and to ensure the freedom of business of husband and wife in the digital age, the marriage and family law poses the issue of dividing the common property of husband and wife during the marriage period in addition to other regulations. such as the property regime of husband and wife according to agreement, agreement to divide assets upon divorce...The research paper will focus on researching a number of issues that can contribute some comments and opinions on this issue.

Keywords: agree; distribution of general property; the marriage time; business investment; digital technology.

1. Lời mở đầu

Trong thực tiễn đời sống, các quan hệ pháp luật trong hoạt động đầu tư, kinh doanh, đặc biệt là trong thời kỳ công nghệ số như hiện nay. Vì tác động của công nghệ số là rất lớn, ảnh hưởng đến rất nhiều khía cạnh của sự phát triển của mọi mặt đời sống xã hội, nhất là sự phát triển của kinh tế. Và trong những mối quan hệ pháp luật ấy thì được phát sinh mà có thể trong đó, một bên chủ thể tham gia quan hệ này là cá nhân hay hộ gia đình (các cặp vợ chồng). Đối với trường hợp thuộc những chủ thể này thì vấn đề sẽ trở nên phức tạp hơn, bởi lẽ khi đó sẽ phát sinh các quyền và nghĩa vụ, quyền và nghĩa vụ liên đới giữa cá nhân là vợ, chồng trực tiếp tham gia các quan hệ đầu tư, kinh doanh...

Nhận thức rõ đây là vấn đề phổ biến và được các chủ thể trong quan hệ này đặc biệt quan tâm. Nhóm tác giả nghiên cứu xin tham gia góp ý một số nhận định, ý kiến nhằm làm rõ hơn các bản chất của vấn đề về mối quan hệ tài sản của vợ chồng khi tham gia quan hệ đầu tư, kinh doanh trong thời kỳ công nghệ số. Trên cơ sở đó, giúp bên vợ, chồng tham gia quan hệ đầu tư, kinh doanh biết được quyền lợi cũng như có cách hành xử phù hợp với pháp luật trong quá trình tham gia đầu tư, kinh doanh thời kỳ công nghệ số.

2. Đầu tư, kinh doanh trong thời kỳ công nghệ số

Gia đình, một trong những thiết chế quan trọng trong tiến trình phát triển của xã hội hiện đại. Trong rất nhiều các yếu tố trực tiếp tác động lên cuộc sống của hàng triệu người, chẳng hạn như nhận thức về các giá trị xã hội, lối sống,... thì công nghệ đóng vai trò như là một trong các nhân tố then chốt. Khoa học công nghệ là một trong những đặc trưng cơ bản của nền văn minh hiện đại, nó bao trùm lên toàn bộ đời sống xã hội và mang đến những tác động tích cực và cả những tác động tiêu cực đối với tiến trình phát triển xã hội loài người (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, 2019). Đã bước sang thế kỷ XXI của nhân loại, thời điểm mà hầu như khoa học công nghệ đã phát huy sức mạnh của nó tại hầu hết các nước công nghiệp, song ngày càng phát triển và ảnh hưởng tới các nước đang phát triển nhiều hơn. Trong lĩnh vực gia đình, tác động của khoa học công nghệ khá toàn diện đến quá trình hình thành và phát triển của gia đình theo các chiều cạnh sống. Trong đó, chức năng thiết yếu nhất của gia đình là chức năng kinh tế có thể cho thấy những tác động khá mạnh mẽ và rõ rệt.

Trong bối cảnh của những năm gần đây, khoa học công nghệ phát triển đã tạo nên nhiều việc làm mới, nhiều ngành nghề mới, nhất là trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ đời sống bởi việc ứng dụng linh hoạt các nền tảng công nghệ số. Cùng với đó đầu tư, kinh doanh trên nền tảng công nghệ

số cũng được phát triển và đa dạng loại hình, có thể kể đến đầu tiên ví dụ như là đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực thương mại điện tử.

Không thể phủ nhận những tích cực mà sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số đã đem đến cho sự phát triển trong đầu tư, kinh doanh. Nhờ có sự phát triển này, việc lựa chọn đầu tư, kinh doanh, ký kết hợp đồng đầu tư, kinh doanh cũng trở nên khá dễ dàng, nhanh chóng và thuận tiện hơn. Thậm chí, có những giao dịch, hợp đồng được hình thành và ký kết hoàn toàn dựa trên hình thức online, dựa trên những công cụ trực tuyến. Điều này có thể giúp giảm được những chi phí đầu tư, kinh doanh không cần thiết để có thể bù đắp và làm gia tăng lợi nhuận. Hay đặc biệt và được quan tâm hơn cả chính là những khoản lợi nhuận “*khổng lồ*” mà nó có thể mang lại, như những khoản lợi nhuận từ đầu tư, kinh doanh vào các sản phẩm giao dịch điện tử, đầu tư vào thị trường chứng khoán, thị trường tiền điện tử (Cơ quan ngôn luận của Bộ Công thương, 2021),... Đặc biệt, trong thời điểm dịch Covid-19 như hiện nay thì cho thấy những lĩnh vực đầu tư, kinh doanh này sẽ càng chiếm ưu thế. Điển hình có thể thấy, kinh doanh online “*lên ngôi*” (Việt Anh, Cơ quan ngôn luận của Bộ Công thương, 2021) nhiều người, nhiều gia đình kinh doanh online còn coi đó là một công việc chính thức hoặc nghề tay trái. Công việc này đã không chỉ đem lại thu nhập ổn định mà còn cải thiện mức sống cho nhiều gia đình và trong tương lai cơ hội phát triển của bán hàng online ngày càng lớn.

Nhưng dù vậy, cái gì cũng có hai mặt của nó, bên cạnh một vài lợi ích điển hình kể trên thì những ảnh hưởng, rủi ro mà khi tham gia đầu tư, kinh doanh trong thời kỳ công nghệ số đem đến cũng không hề nhỏ. Khi quá dễ dàng để tiếp cận, gia nhập thì có thể khả năng kiểm soát, vận hành của nhà đầu tư, người kinh doanh đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh đó sẽ là không dễ dàng. Vì có những khoản đầu tư vào các lĩnh vực này thì thường khá là lớn, nên nhiều người khi đã không đủ khả năng để kiểm soát, vận hành thì việc dẫn đến “*lãi đâu chẳng thấy*”, “*nợ nần chồng chất*” cũng sẽ là chuyện sớm, muộn. Mặt khác, chính vì tính mới và việc mang tính thời đại của nó nên những “*lỗ hổng*” của những lĩnh vực này còn tồn tại rất rất nhiều, mặc dù pháp luật cũng đã can thiệp và không ngừng hoàn thiện để điều chỉnh. Một bài viết đề cập “*mặc dù rất nhiều công ty đầu tư forex gắn mác “ủy thác đầu tư” có sử dụng tiền ảo để giao dịch đã bị đánh sập sau khi huy động hàng ngàn tỷ đồng của nhà đầu tư rồi bỏ trốn, song vẫn có nhiều công ty, cá nhân âm thầm hoạt động chui*” (Đỗ Nga, Cơ quan ngôn luận của Bộ Công thương, 2021). Hàng nghìn tỷ đồng, những khoản đầu tư vô cùng lớn, do vậy, cho thấy mức độ ảnh hưởng, rủi ro cũng là không hề nhỏ khi mà tham gia đầu tư, kinh doanh vào nó.

3. Chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân - giải pháp đảm bảo quyền tự do kinh doanh của mỗi bên vợ, chồng

Đặt trong mối quan hệ hôn nhân, khi một người đã kết hôn, tình trạng tài chính của người này luôn nằm trong mối liên hệ với điều kiện kinh tế của cả gia đình. Cũng là xu hướng nắm bắt theo sự thay đổi của thời thế, nhiều cặp vợ chồng đã có những động thái để có thể phát triển hơn nữa kinh tế gia đình hay cũng là để làm chủ được tài chính của bản thân. Việc tìm kiếm đến các cơ hội trong hoạt động đầu tư, kinh doanh trong thời kỳ công nghệ số hiện nay của các cặp vợ chồng thì càng trở nên phổ biến, nhất là đối với những cặp vợ chồng mà họ cũng đã có cho mình khả năng, điều kiện kinh tế nhất định. Giữa họ cũng đã có thể hình thành khối tài sản chung, riêng nhất định, tuy nhiên, như đã nói nguồn vốn để tham gia đầu tư đối với các lĩnh vực này thì thường khá lớn, nên trường hợp phổ biến là một bên (hoặc cả hai) mong muốn chia tài sản chung để vợ, chồng đầu tư, kinh doanh riêng. Việc chia tài sản vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân để sản

xuất kinh doanh riêng là cần thiết trong cuộc sống vợ chồng đặc biệt là trong điều kiện kinh tế xã hội hiện nay. Bởi lẽ:

Thứ nhất, nhu cầu đầu tư, kinh doanh riêng của mỗi bên vợ chồng là chính đáng và được pháp luật bảo vệ, cũng nhằm khuyến khích nhu cầu để phát huy mọi khả năng phát triển kinh tế.

Khi bước vào quan hệ hôn nhân để duy trì cuộc sống gia đình thì vợ chồng cũng phải có nguồn thu nhập nhất định. Nguồn thu nhập này mang lại từ nhiều kênh khác nhau, đó có thể là thu nhập phát sinh từ các hoạt động mang tính chất nghề nghiệp hay các lợi tức phát sinh trong quá trình kinh doanh, trong các giao dịch dân sự khác. Trong đó nguồn thu nhập mang lại từ các hoạt động đầu tư, kinh doanh sẽ có thể luôn chiếm tỷ trọng lớn, vì nó có thể mang lại cho vợ chồng những nguồn thu nhập cao hơn so với các nguồn thu nhập khác. Vợ chồng cùng chung sức tạo lập nên tài sản chung của vợ chồng, theo quy định của pháp luật thì quyền và nghĩa vụ của vợ chồng là ngang nhau đối với tài sản chung. Chính vì vậy, nếu vợ chồng không có sự thống nhất dùng tài sản chung để đầu tư, kinh doanh thì một bên vợ chồng cũng không có quyền tự quyết định đưa phần tài sản này vào để đầu tư, kinh doanh. Việc pháp luật quy định vợ chồng có quyền thỏa thuận hoặc quyền yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nhằm mục đích đầu tư, kinh doanh riêng là cơ sở pháp lý để giải quyết các yêu cầu phát sinh trong nền kinh tế thị trường của vợ chồng. Nó giúp cho mỗi bên vợ chồng có thể thực hiện được ý đồ kinh doanh của mình. Đó cũng chính là việc để đảm bảo cho mỗi công dân thực hiện quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật hiện hành.

Thứ hai, việc quy định chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân để đầu tư, kinh doanh riêng là cơ sở pháp lý quan trọng và cần thiết để đáp ứng nhu cầu về vốn khi vợ hoặc chồng tham gia đầu tư, kinh doanh riêng.

Theo Luật Đầu tư 2020 thì “Đầu tư kinh doanh là việc nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư để thực hiện hoạt động kinh doanh” (Khoản 8 Điều 3 Luật Đầu Tư năm 2020). Như vậy đối với người tham gia vào đầu tư, kinh doanh thì yếu tố “vốn” được coi là then chốt, có vai trò vô cùng quan trọng đối với quá trình khởi nghiệp, phát triển và thành công của đầu tư, kinh doanh. Không chỉ là cơ sở để xem xét cho việc ban đầu nên lựa chọn đầu tư, kinh doanh vào đâu mà vốn còn là yếu tố để mở rộng phạm vi đầu tư, kinh doanh, quyết định vị thế của chủ thể đầu tư, kinh doanh trên thương trường. Vì thế vợ chồng có quyền thỏa thuận hoặc yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân để có vốn riêng thực hiện việc đầu tư, kinh doanh. Tuy nhiên, lĩnh vực đầu tư, kinh doanh như đã nói là một lĩnh vực tiềm ẩn khá nhiều rủi ro vì thế mà một trong hai bên vợ hoặc chồng không muốn đầu tư, kinh doanh và cũng không đồng ý lấy tài sản chung của vợ chồng để đầu tư, kinh doanh chung. Do vậy, không phải trong mọi trường hợp vợ chồng đều thống nhất được việc đầu tư kinh doanh. Đối với những trường hợp này thì việc pháp luật quy định vợ hoặc chồng có thể thỏa thuận hoặc yêu cầu Tòa án chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân để một bên tiến hành sản xuất kinh doanh, nó sẽ có ý nghĩa to lớn và phù hợp với xu hướng của nền kinh tế thị trường. Việc quy định này đặc biệt tránh được rủi ro cho gia đình khi hoạt động đầu tư, kinh doanh bị thất bại, mặt khác nó cũng đảm bảo được sự linh hoạt, năng động cho vợ chồng tham gia kinh tế thị trường mà vẫn đảm bảo sự an toàn cho gia đình.

Thứ ba, quyền lợi cho gia đình, lợi ích của vợ chồng cũng như của những người thứ ba có liên quan đã được đảm bảo thông qua việc quy định chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nhằm mục đích đầu tư, kinh doanh riêng

Đầu tư, kinh doanh là lĩnh vực có thể nói nếu thành công thì sẽ mang lại cho chủ thể những thu nhập và lợi nhuận đáng kể tuy nhiên nó cũng tiềm ẩn khá nhiều rủi ro. Hiện nay thì khái niệm rủi ro trong đầu tư, kinh doanh có nội dung khá rộng. Rủi ro trong đầu tư, kinh doanh là sự tổn thất về tài sản hay là sự giảm sút lợi nhuận thực tế so với lợi nhuận dự kiến. Rủi ro còn được hiểu là những bất trắc ngoài ý muốn xảy ra trong quá trình đầu tư, kinh doanh của nhà đầu tư, kinh doanh mang ảnh hưởng rất lớn đối với họ. Do vậy, có thể vì tâm lý sợ rủi ro, thua lỗ mà một bên vợ hoặc chồng không muốn tham gia đầu tư, kinh doanh chung cùng bên kia và cũng không muốn sử dụng tài sản chung của gia đình vào việc đầu tư, kinh doanh thì họ sẽ tiến hành chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân để tiện cho việc đầu tư, kinh doanh đồng thời cũng hạn chế tối đa rủi ro cho gia đình khi mà người trực tiếp đầu tư, kinh doanh thua lỗ. Đồng thời, việc vợ chồng thỏa thuận chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân khi một bên đầu tư, kinh doanh riêng còn góp phần tạo ra sự công khai, minh bạch tài sản của người trực tiếp đầu tư, kinh doanh. Có thể nói, đây cũng chính là yếu tố đảm bảo cho quyền và lợi ích của đối tác bên thứ ba khi tham gia quan hệ đầu tư, kinh doanh với vợ hoặc chồng.

Thứ tư, việc quy định chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nhằm mục đích đầu tư, kinh doanh là cơ sở pháp lý để giải quyết những tranh chấp phát sinh trong quá trình vợ, chồng tiến hành hoạt động đầu tư, kinh doanh.

Thực tiễn đời sống kinh tế xã hội cho thấy, khi có tranh chấp về tài sản giữa vợ chồng với nhau, giữa vợ chồng với những người thứ ba mà có liên quan tới quyền và nghĩa vụ tài sản của vợ chồng từ hoạt động đầu tư, kinh doanh thường rất phức tạp và tranh chấp thường khó xác định trách nhiệm của vợ chồng. Luật Hôn nhân và gia đình (Luật HN&GD) năm 2000 mới chỉ dừng lại ở những quy định mang tính chất nguyên tắc chung và khó có thể áp dụng trong đời sống thực tiễn như các quy định “*tài sản chung của vợ chồng được chỉ dùng để..., thực hiện các nghĩa vụ chung của vợ chồng*” (Khoản 2 Điều 28), việc xác định trong trường hợp nào được coi là nghĩa vụ chung, trường hợp nào được coi là nghĩa vụ riêng thì luật lại chưa có quy định rõ ràng. Luật HN&GD năm 2014 đã quy định cụ thể hơn về những trường hợp được coi là nghĩa vụ chung, nghĩa vụ riêng của vợ, chồng. Ngoài ra, tại Điều 37 Luật HN&GD năm 2014, ngoài quy định những nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng thì điều luật còn quy định rõ các quyền và nghĩa vụ về tài sản của vợ, chồng đối với người thứ ba không thay đổi ngay cả khi vợ chồng có thỏa thuận về việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Ngoài ra, đề cập đến một lý do nữa đó là việc chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân để vợ hoặc chồng đầu tư kinh doanh riêng thì việc xác định trách nhiệm, nghĩa vụ tài sản của vợ, chồng đối với những rủi ro trong hoạt động đầu tư, kinh doanh, đó là trách nhiệm tài sản riêng của một bên. Trong trường hợp, người trực tiếp kinh doanh mà kinh doanh kém hiệu quả dẫn đến thua lỗ thì phải gánh chịu hậu quả này và sẽ không ảnh hưởng đến tài sản của bên vợ, chồng không trực tiếp kinh doanh. Nhờ đó, cuộc sống của các thành viên trong gia đình sẽ không bị xáo trộn.

Do vậy, việc quy định chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nhằm mục đích đầu tư kinh doanh riêng, điều này sẽ là cơ sở pháp lý quan trọng để giải quyết những tranh chấp phát sinh trong quá trình vợ hoặc chồng tiến hành các hoạt động đầu tư kinh doanh riêng. Quy định này vừa đảm bảo quyền lợi cho vợ chồng đồng thời nó cũng bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của những chủ thể thứ ba khác, có liên quan đến quá trình kinh doanh của vợ hoặc chồng.

Những điều này có thể được nhìn nhận trong tình huống thực tế sau: Anh A và chị B kết hôn năm 2015 có đăng ký kết hôn và sinh sống tại phường T quận Y thành phố Hà Nội. Hai vợ chồng

có tài sản chung là hai căn nhà tại phường M quận N, phường B quận X thành phố Hà Nội và 3 tỷ đồng. Sau một thời gian chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong việc đầu tư vào thị trường chứng khoán nên anh chị A, B đã thỏa thuận với nhau về việc chia tài sản chung để anh A tự đầu tư chứng khoán. Nhưng hiện giờ anh A làm ăn thua lỗ, không có tiền trả nợ. Anh đã yêu cầu chị B phải lấy tài sản chung đã chia cho chị B để trả nợ. Tuy nhiên theo quy định của pháp luật, do nghĩa vụ trả nợ phát sinh sau khi chia tài sản chung nên việc chia tài sản chung của vợ, chồng vẫn có hiệu lực pháp luật. Theo quy định về hậu quả pháp lý của việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân tại Điều 40 Luật HN&GD năm 2014 thì tài sản sau khi chia là tài sản riêng của vợ, chồng anh A chị B. Và theo khoản 2 Điều 45 Luật HN&GD năm 2014 quy định vợ, chồng có các nghĩa vụ riêng về tài sản sau đây: *“Nghĩa vụ phát sinh từ việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản riêng”*. Như vậy việc anh A đã sử dụng tài sản chung sau khi chia, chính là tài sản riêng của anh A để đầu tư kinh doanh do vậy trách nhiệm trả nợ là trách nhiệm riêng của anh A. Chị B không có nghĩa vụ dùng tài sản riêng của mình là tài sản đã được chia để trả nợ cho chồng. Qua đây thể nhận thấy rằng, đối với việc chia tài sản vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân để đầu tư kinh doanh có thể hạn chế nhiều rủi ro đối với tài sản chung của vợ chồng và các nghĩa vụ của vợ chồng khi thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh không được thuận lợi. Hơn thế nữa việc nhà nước đặt ra những quy định pháp lý đối với vấn đề chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân để đầu tư kinh doanh là yếu tố quan trọng trong việc tạo lên một cơ sở vững chắc để bảo vệ cho quyền và lợi ích của những bên tham gia vào hoạt động đầu tư kinh doanh cũng như là cơ sở pháp lý để giải quyết những tranh chấp phát sinh sau này.

4. Một số vấn đề pháp lý về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân

4.1. Quyền yêu cầu thỏa thuận chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân

Sở hữu chung của vợ chồng là sở hữu chung hợp nhất có thể phân chia, theo đó vợ chồng cùng nhau tạo lập, phát triển khối tài sản chung, có quyền ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung (Điều 213 BLDS năm 2015)...Luật HN&GD năm 2014 quy định: *“Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có quyền thỏa thuận chia một phần hoặc toàn bộ tài sản chung, trừ trường hợp quy định tại Điều 42 của Luật này; nếu không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết”*(Khoản 1 Điều 38).

Quyền yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân cũng chính là quyền tự định đoạt tài sản chung của vợ, chồng hoặc của cả hai. Trong việc quản lý, sử dụng và định đoạt khối tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất trong thời kỳ hôn nhân thì vợ chồng đều có quyền bình đẳng như nhau. Đây là một quyền gắn liền với nhân thân của vợ chồng và chỉ vợ, chồng hoặc cả hai vợ chồng mới có quyền yêu cầu. Quy định trên của pháp luật là hoàn toàn phù hợp đồng thời cũng xuất phát từ nguyên tắc bình đẳng giữa vợ chồng. Vợ chồng có thể thỏa thuận phân chia tài sản chung và trong trường hợp không thỏa thuận được, vợ hoặc chồng sẽ yêu cầu Tòa án chia. Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật hiện hành để giải quyết những yêu cầu chính đáng của vợ hoặc chồng. Khoản 3 Điều 38 Luật HN&GD năm 2014 quy định Tòa án sẽ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 59 của Luật này, tức là chia tài sản như khi vợ chồng ly hôn. Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố như hoàn cảnh của gia đình và của vợ, chồng hay công sức đóng góp của mỗi bên trong việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung đó,...Còn đối với trường hợp cả hai vợ chồng thỏa thuận được việc chia tài sản chung thì những nội dung của thỏa thuận đó sẽ được lập thành văn bản, có thể có người

làm chứng hoặc vợ chồng có thể yêu cầu cơ quan công chứng có thẩm quyền chứng nhận về các nội dung trong văn bản mà họ đã thỏa thuận.

Như vậy, quyền yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là một quyền gắn liền với nhân thân của vợ, chồng dựa trên cơ sở hôn nhân hợp pháp. Chỉ có vợ hoặc chồng hoặc cả hai vợ chồng là người có quyền yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, ngoài ra không có chủ thể nào khác được quyền yêu cầu. Việc pháp luật HN&GD chỉ công nhận vợ, chồng hoặc cả hai vợ chồng có quyền yêu cầu Tòa án chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, còn không thừa nhận quyền khởi kiện của người thứ ba trong trường hợp này (Điều 38 Luật HN&GD năm 2014) là hoàn toàn phù hợp về mặt nguyên tắc. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều vấn đề bất cập và khó khăn nếu áp dụng quy định này vào đời sống thực tiễn. Trên thực tế, sẽ rất khó đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba trong trường hợp, một bên vợ hoặc chồng có nghĩa vụ tài sản riêng đối với người thứ ba nhưng họ lại không thỏa thuận hay không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung để trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản riêng của mình. Do vậy, để bảo vệ quyền lợi của mình thì người thứ ba có thể khởi kiện đòi tài sản, buộc người có nghĩa vụ về tài sản phải thực hiện nghĩa vụ của mình.

Chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là một vấn đề quan trọng trong đời sống vợ chồng. Việc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân được nhắc đến lần đầu tiên trong BLDS năm 1972 và bắt đầu được quy định cụ thể trong Luật HN&GD năm 1986. Sau đó, tiếp tục được ghi nhận, phát triển trong Luật HN&GD năm 2000 và mới nhất là Luật HN&GD năm 2014. Theo Luật HN&GD năm 2000 thì quy định cụ thể trong những trường hợp nào thì vợ chồng có thể yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, như trong trường hợp: *“vợ chồng đầu tư kinh doanh riêng, vợ chồng thực hiện nghĩa vụ dân sự riêng hay trường hợp có lý do chính đáng khác”* (Điều 29). Đến Luật HN&GD năm 2014, những quy định về chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân được tiếp tục ghi nhận và hoàn thiện hơn. Tại Điều 38 Luật HN&GD năm 2014 thì không quy định cụ thể trong những trường hợp nào thì được tiến hành chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân như Luật HN&GD năm 2000. Điều đó có nghĩa là bất cứ lúc nào, vì lý do gì thì vợ chồng đều có quyền yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, việc chia tài sản chung đó không làm ảnh hưởng đến lợi ích chung của gia đình lợi, ích hợp pháp của con cái và không nhằm mục đích trốn tránh các nghĩa vụ về tài sản theo quy định tại Điều 42 Luật HN&GD năm 2014. Quyền kinh doanh của cá nhân vợ, chồng luôn được pháp luật tôn trọng nhưng nếu như việc vợ chồng chia tài sản chung nhằm mục đích đầu tư, kinh doanh riêng của một bên mà làm ảnh hưởng đến lợi ích của gia đình, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự và không có tài sản để tự nuôi mình thì pháp luật sẽ không thừa nhận. Bởi xuất phát từ nguyên tắc cơ bản của chế độ HN&GD là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Ngoài ra, nếu như việc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân để nhằm trốn tránh thực hiện các nghĩa vụ như: cấp dưỡng, nuôi dưỡng, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại; nghĩa vụ thanh toán khi bị Tòa án tuyên bố phá sản, nghĩa vụ trả nợ cho cá nhân, tổ chức; nghĩa vụ nộp thuế hoặc nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước và các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định của pháp luật thì cũng sẽ bị vô hiệu. Pháp luật tôn trọng sự tự do thỏa thuận của các chủ thể tham gia giao dịch nói chung và của vợ chồng trong việc chia tài sản chung nói riêng. Tuy nhiên, sự thỏa thuận đó không được làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của các cá nhân, tổ chức khác trong xã hội. Quyền tự do định đoạt tài sản của vợ chồng trong trường hợp này chỉ được pháp luật bảo vệ trên cơ sở tôn trọng quyền và lợi ích của các chủ thể khác.

Do mỗi quốc gia với những đặc điểm riêng về lịch sử, truyền thống và địa lý... sẽ có những quy định khác nhau và tạo nên sự đa dạng về xã hội và hệ thống pháp luật của các quốc gia. Đối với vấn đề này, khi so sánh pháp luật HN&GD của Việt Nam với pháp luật HN&GD của Pháp thì cũng cho thấy có khá nhiều điểm tương đồng và khác biệt. Bộ luật Dân sự (BLDS) Pháp có riêng Thiên V quyển thứ 3 đề quy định về khế ước hôn nhân và các chế độ tài sản của vợ chồng trong hôn nhân (Nguyễn, 2018). Theo đó, vợ chồng có quyền lựa chọn một chế độ tài sản phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh kinh tế gia đình. Điều 1400 BLDS Pháp quy định: *“Chế độ tài sản chung được xác lập khi không có khế ước hôn nhân hoặc khi vợ chồng lựa chọn kết hôn theo chế độ tài sản chung”* (Phạm, 2013) chế độ tài sản chung ở đây bao gồm hai khối tài sản là khối tài sản có và khối tài sản nợ.

Theo BLDS Pháp, căn cứ để chia tài sản được quy định tại Điều 1443 là một trong những căn cứ dẫn đến việc chấm dứt tài sản chung của vợ chồng: *“Nếu do sự xáo trộn trong công việc làm ăn của vợ hoặc chồng, do vợ hoặc chồng quản lý kém hoặc thiếu đạo đức, mà việc duy trì chế độ tài sản chung gây phương hại đến lợi ích của người kia, thì người có lợi ích bị phương hại có thể yêu cầu Tòa án cho tách riêng tài sản. Mọi trường hợp tự tách riêng tài sản để vô hiệu”*. Có thể thấy quy định này của pháp luật Pháp khá tương đồng với quy định của pháp luật HN&GD Việt Nam. Luật HN&GD Việt Nam mặc dù không quy định rõ ràng từng trường hợp chia tài sản chung nhưng lại mở rộng hơn các trường hợp được chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Trường hợp được quy định ở BLDS Pháp có thể hiểu thành việc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân được chia làm hai trường hợp. *Thứ nhất*, trường hợp công việc làm ăn của vợ chồng có sự thay đổi; *Thứ hai*, vợ hoặc chồng quản lý kém hoặc thiếu đạo đức, chẳng hạn như có hành vi phá sản tài sản chung hoặc tự mình thực hiện những giao dịch dân sự làm tổn thất khối tài sản chung ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình và bên kia.

Bên cạnh đó, về việc tách riêng tài sản giữa vợ và chồng được quy định khá đầy đủ, tuân theo những thủ tục chặt chẽ tại Điều 1445 BLDS Pháp: *“Yêu cầu tách riêng tài sản giữa vợ và chồng, bản án cho tách riêng tài sản giữa vợ và chồng phải được công bố theo những điều kiện và chế tài quy định tại Bộ Luật Tổ tụng dân sự, cũng như theo các quy định pháp luật về thương mại, nếu vợ hoặc chồng là thương nhân; Bản án tuyên bố tách riêng tài sản giữa vợ và chồng có hiệu lực kể từ ngày nộp yêu cầu cách riêng tài sản, bản án tuyên bố tách riêng tài sản giữa vợ và chồng được ghi chú bên lề giấy đăng ký kết hôn và bản chính của khế ước hôn nhân”* (Phạm, 2013). Luật HN&GD Việt Nam quy định vợ chồng có thể thỏa thuận hoặc yêu cầu Tòa án chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng pháp luật nước Pháp chỉ cho phép và ghi nhận việc chia tài sản thông qua con đường tư pháp là Tòa án. Vợ, chồng tự tách riêng tài sản thì trong mọi trường hợp đều không có giá trị. Có thể thấy, đây là một quy định khá chặt chẽ nhưng theo nhóm tác giả thì nó cũng có phần làm mất đi sự tự do thỏa thuận ý chí khi đặt trong bản chất của quyền yêu cầu chia tài sản chung này, nên việc cho phép và ghi nhận về hình thức chia trong quy định của Luật HN&GD của Việt Nam sẽ là hợp lý hơn. Tuy nhiên, nếu quy định vợ chồng có quyền thỏa thuận (không yêu cầu phải có người làm chứng và công chứng) thì chế độ chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân rất dễ bị lợi dụng để vợ, chồng trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ của mình. Và nếu đối với pháp luật Việt Nam, vợ chồng thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân có thể công khai hoặc chỉ hai bên vợ chồng biết thì đối với luật nước Pháp, như đã được nêu ở Điều luật nêu trên thì việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân phải được công bố công khai, và đặc biệt là trường hợp chủ thể vợ, chồng là thương nhân thì cần được chú trọng. Pháp luật Pháp quy định vợ chồng có nghĩa

vụ phải công bố bản án tách riêng tài sản giữa vợ và chồng. Quy định này tiến bộ hơn quy định của pháp luật Việt Nam nhằm loại bỏ hoặc hạn chế những tranh chấp về tài sản có thể xảy ra, vì vậy pháp luật Việt Nam cũng nên áp dụng việc “công bố, công khai” này cho cả hai hình thức chia tài sản chung mà cho phép và ghi nhận. Nguyên nhân là vì các bên có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến tài sản của vợ, chồng hoặc của cả hai vợ chồng biết được sự dịch chuyển, thay đổi của các tài sản này sẽ có sự chuẩn bị tâm lý cũng như những hành động cần thiết, kịp thời để bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình. Quy định này trong luật nước Pháp còn góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của mỗi bên vợ chồng, ngăn chặn việc vợ hoặc chồng chia tài sản chung nhằm trốn tránh nghĩa vụ.

Hơn thế nữa, pháp luật nước Pháp còn quy định khá chặt chẽ ở chỗ bản án tuyên bố tách riêng tài sản phải được ghi chú bên lề giấy đăng ký kết hôn. Quy định này rất tiến bộ và pháp luật Việt Nam nên học tập cách áp dụng trên, để tạo thành một hành lang pháp lý chứng minh nguồn gốc tài sản nếu như có tranh chấp giữa vợ chồng hoặc giữa họ với người thứ ba. Bên cạnh đó, hậu quả pháp lý của việc tách riêng tài sản này đều được BLDS Pháp quy định. Khi quyết định của Tòa án có hiệu lực thì chế độ tài sản giữa vợ và chồng sẽ được chuyển sang chế độ tách riêng tài sản, chế độ tài sản chung sẽ chấm dứt. Vợ chồng cùng đóng góp chi phí cho cuộc sống chung theo các thỏa thuận và tùy vào khả năng của mình, trong trường hợp một bên vợ hoặc chồng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình thì bên kia có quyền yêu cầu bên vi phạm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Bộ Luật tố tụng dân sự.

4.2. Phạm vi tài sản chung của vợ chồng được chia trong thời kỳ hôn nhân

Quy định tại Điều 38 Luật HN&GD năm 2014 cho phép vợ chồng “*có quyền thỏa thuận chia một phần hoặc toàn bộ tài sản chung*” trong thời kỳ hôn nhân, trừ các trường hợp quy định tại Điều 42 Luật này. Thông thường, tài sản chung của vợ chồng (thuộc hình thức sở hữu chung hợp nhất) là một khối thống nhất, cùng được cả vợ và chồng chiếm hữu, sử dụng, định đoạt, nhằm đem lại những giá trị vật chất, giá trị tinh thần cho gia đình. Bên cạnh đó, cũng có khá nhiều trường hợp khiến vợ, chồng có mong muốn phân chia, định đoạt khối tài sản chung. Có thể kể đến là các trường hợp như: vợ chồng chia tài sản chung để một bên có thể thực hiện nghĩa vụ riêng về tài sản của mình, chia tài sản chung để việc đầu tư kinh doanh có thể giảm thiểu rủi ro đối với gia đình, chia tài sản để hạn chế hành vi phát tán tài sản hoặc chia tài sản do vợ chồng có những mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân. Với tư cách là đồng sở hữu chung, vợ chồng có quyền thỏa thuận chia một phần hoặc toàn bộ tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Theo cách hiểu chung nhất, phạm vi tài sản chung được chia (một phần hay toàn bộ) sẽ do vợ chồng quyết định dựa trên nhu cầu, thực tế hoàn cảnh của gia đình.

Tài sản trong thỏa thuận chia tài sản chung sẽ được bao gồm cả tài sản hiện có và tài sản được hình thành trong tương lai (Ngô & Đặng, 2019). Sở dĩ, pháp luật thừa nhận bao gồm cả tài sản được hình thành trong tương lai vì trong cả quan hệ pháp luật dân sự, quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình bởi tài sản hình thành trong tương lai đều là những tài sản mà khả năng phát sinh (khả năng tồn tại) là rất cao. Ở một mức độ nhất định, trong quan hệ giữa vợ và chồng, những tài sản hình thành trong tương lai có thể được dự đoán không chỉ về khả năng tồn tại, phát sinh, mà còn cả về hình thức sở hữu tài sản (sở hữu chung hoặc riêng) theo sự dự liệu của quy định pháp luật. Mặc dù sự hiện diện của tài sản chỉ mang tính dự đoán, nhưng sự tiên liệu này sẽ là hoàn toàn có căn cứ (Ngô & Đặng, 2019). “*Sau khi chia tài sản chung, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản kinh doanh riêng đều là tài sản riêng*” (Điều 40 Luật HN&GD 2014) khác với việc trước khi chia tài

sản chung, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng của một bên là tài sản chung của vợ chồng, như vậy nhóm tài sản hình thành trong tương lai vẫn có khả năng bị tác động bởi việc thỏa thuận chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

Ngoài ra việc vợ chồng thỏa thuận chia tài sản chung để một bên có tài sản riêng nhằm đáp ứng cho mục đích đầu tư kinh doanh sẽ thực sự có ý nghĩa nếu thỏa thuận này tác động đến cả quyền sở hữu với những tài sản hình thành trong tương lai và tài sản hiện có. Việc xác định cụ thể hình thức sở hữu tài sản theo ý chí các bên là tiền đề để hạn chế rủi ro có thể xảy đến đối với đời sống HN&GD. Tùy theo nhu cầu của vợ chồng, chia một phần hay toàn bộ tài sản đều tác động lên cả tài sản trong tương lai và tài sản hiện có, trong khi đó nội dung thỏa thuận của họ cũng nên được pháp luật thừa nhận tương ứng. Trong thời kỳ hôn nhân, nếu chỉ gói gọn trong việc chia tài sản hiện có, khi vợ chồng muốn giải quyết những tài sản mới phát sinh, họ có thể phải tiếp tục thực hiện nhiều thỏa thuận khác để giải quyết vấn đề này. Việc kinh doanh sẽ ít nhiều gây bất lợi đối với quá trình tổ chức đời sống hôn nhân gia đình nếu không thể đưa ra thỏa thuận có tính thống nhất triệt để. Thỏa thuận chia tài sản lúc này sẽ trở thành nguyên tắc xác định quyền sở hữu của vợ chồng đối với cả những tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân mà không phải là chỉ xác định tài sản chung, tài sản riêng một cách đơn thuần.

Hiện nay, Việt Nam ghi nhận hai loại chế độ tài sản là chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận và chế độ tài sản của vợ chồng theo luật định. Để áp dụng chế độ tài sản theo thỏa thuận, vợ chồng phải lựa chọn chế độ tài sản này trước khi kết hôn. Nếu không có thỏa thuận từ trước, sau khi kết hôn vợ chồng chỉ có thể áp dụng chế độ tài sản theo luật định, hay nói cách khác, vợ chồng không thể lựa chọn và áp dụng chế độ tài sản theo thỏa thuận trong thời kỳ hôn nhân. Trong khi đó, pháp luật của một số quốc gia khác trên thế giới khá cởi mở trong việc áp dụng thỏa thuận trong hôn nhân, thỏa thuận trước hôn nhân (cũng như nhiều thỏa thuận khác). Với bối cảnh như hiện nay, việc cho phép thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân (thuộc chế độ tài sản theo luật định) đã điều chỉnh cả những tài sản hình thành trong tương lai, điều này giúp mở rộng sự tự do ý chí trong quan hệ gia đình, cũng như đảm bảo tính mềm dẻo, linh động của pháp luật.

4.3. Quyền và nghĩa vụ của vợ chồng sau khi chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân để đầu tư, kinh doanh

4.3.1. Quyền và nghĩa vụ tài sản của vợ chồng đối với con chung và đời sống chung của gia đình sau khi chia tài sản chung

Việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân không đương nhiên làm chấm dứt quan hệ hôn nhân của vợ chồng trước pháp luật. Do đó giữa hai bên vẫn tồn tại mọi quyền và nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau, với con cái và với gia đình. Sau khi chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân thì đặc biệt, các quan hệ về tài sản lại có sự thay đổi đáng kể, khối tài sản thuộc sở hữu riêng của vợ chồng có xu hướng tăng lên trong khi tài sản chung hợp nhất lại có xu hướng bị giảm xuống thậm chí là không còn. Vì vậy, vấn đề đặt ra là làm thế nào để đảm bảo được lợi ích chính đáng của gia đình sau khi vợ chồng thỏa thuận chia tài sản chung, quyền và nghĩa vụ tài sản của vợ chồng đối với con cái, gia đình sẽ như thế nào?

Điều 29 và 30 Luật HN&GD năm 2014 quy định vợ chồng có nghĩa vụ đảm bảo điều kiện để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Trong trường hợp “*vợ chồng không có tài sản chung, hoặc tài sản chung không đủ để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình thì vợ, chồng có nghĩa vụ đóng*

góp tài sản riêng theo khả năng kinh tế của mỗi bên” (Khoản 2 Điều 30). Nghĩa vụ phát sinh trước hết sẽ được thanh toán bằng tài sản chung, nếu như tài sản chung không còn hoặc còn nhưng không đủ thì vợ, chồng phải lấy tài sản riêng để thanh toán. Sau khi chia tài sản chung, đặc biệt là trong trường hợp chia toàn bộ tài sản chung thì tài sản chung về cơ bản là không còn, tài sản riêng của các bên có sự chênh lệch lớn, mặt khác vợ chồng có nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con cái nên phải có nghĩa vụ đóng góp tài sản để đáp ứng những nhu cầu thiết yếu cho sự phát triển bình thường của con. Quy định trên đã góp phần quan trọng trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình đặc biệt là của con chưa thành niên, con đã thành niên nhưng không có khả năng lao động.

Thực tế những quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng đối với gia đình, con cái sau khi chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của Luật HN&GD vẫn còn nhiều bất cập. Điều 42 Luật HN&GD năm 2014 quy định là việc chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân bị tuyên là vô hiệu khi ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích của gia đình; quyền lợi ích của con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình; chia để trốn tránh nghĩa vụ nuôi dưỡng, nghĩa vụ cấp dưỡng. Tuy nhiên, như thế nào là ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích của gia đình và nếu có phát hiện ra việc trốn tránh nghĩa vụ nuôi dưỡng, nghĩa vụ cấp dưỡng thì ai sẽ là người đứng ra yêu cầu tòa án tuyên bố việc chia tài sản chung của vợ chồng là vô hiệu thì pháp luật hiện tại chưa có quy định. Vì vậy, mặc dù Luật HN&GD năm 2014 đã có quy định nhưng về vận dụng vào thực tiễn đời sống thì cần phải có các văn bản hướng dẫn rõ ràng hơn nữa.

4.3.2. Quyền và nghĩa vụ tài sản của vợ chồng đối với người thứ ba khi chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân để đầu tư, kinh doanh

Vợ chồng có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong các giao dịch đối với người thứ ba. Những nghĩa vụ này có thể được xác lập trước hoặc trong thời kỳ vợ chồng chia tài sản chung, trong Luật HN&GD năm 2014 quy định: *“Quyền, nghĩa vụ về tài sản giữa vợ, chồng với người thứ ba phát sinh trước thời điểm việc chia tài sản chung có hiệu lực vẫn có giá trị pháp lý, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác”* (Khoản 4 Điều 39). Trong cuộc sống hằng ngày, vợ, chồng tham gia xác lập và thực hiện các giao dịch với các chủ thể khác. Xuất phát từ yêu cầu đầu tư kinh doanh riêng của một bên mà vợ, chồng thỏa thuận chia tài sản chung. Tuy nhiên, tính đến trước thời điểm việc chia tài sản chung của vợ chồng có hiệu lực thì các nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập hay do một bên xác lập nhưng nhằm đáp ứng nhu cầu của gia đình thì vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm. Những thỏa thuận về việc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ tài sản của họ xác lập trước đó với người thứ ba. Pháp luật tôn trọng quyền tự định đoạt tài sản và quyền tự do kinh doanh của vợ, chồng nhưng sự thỏa thuận đó không được trốn tránh các nghĩa vụ trả nợ cho tổ chức, cá nhân cũng như các nghĩa vụ về tài sản khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có quyền thỏa thuận chấm dứt hiệu lực của việc chia tài sản chung. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 41 thì: *“Quyền, nghĩa vụ về tài sản phát sinh trước thời điểm chấm dứt hiệu lực của việc chia tài sản chung vẫn có hiệu lực, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác”*. Sau khi vợ chồng chia tài sản chung thì ngoài những tài sản riêng có từ trước của mỗi người, họ còn có một phần tài sản được chia từ khối tài sản chung để đầu tư, kinh doanh riêng. Quá trình đầu tư kinh doanh có thể mang lại nhiều lợi nhuận cho chủ thể kinh doanh nhưng đồng thời nó cũng mang lại những rủi ro và những khoản nợ về tài sản nhất

định. Nếu trường hợp sau một thời gian chia tài sản chung để vợ, chồng kinh doanh riêng mà vợ chồng lại có thỏa thuận chấm dứt hiệu lực của việc chia tài sản chung thì những giao dịch trước đó sẽ là nghĩa vụ riêng của từng người, trừ trường hợp họ thỏa thuận khác và có thể trở thành nghĩa vụ chung của cả vợ, chồng. Trong trường hợp người có nghĩa vụ có biểu hiện trốn tránh việc thực hiện đối với người thứ ba thì người thứ ba có được quyền khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết hay không? Thiết nghĩ trong trường hợp này pháp luật nên có quy định đối người thứ ba có thể khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc người có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình. Quy định trên sẽ là phù hợp và là căn cứ để người thứ ba có thể tự bảo vệ những quyền và lợi ích chính đáng của bản thân khi những lợi ích đó bị xâm hại.

4.4. Hậu quả pháp lý của việc chia tài sản chung khi một bên vợ hoặc chồng đầu tư kinh doanh riêng

Luật HN&GD năm 2014 đã quy định cụ thể về hậu quả pháp lý của việc chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân “*Trong trường hợp chia tài sản chung vợ chồng thì hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng của mỗi bên sau khi chia tài sản chung là tài sản riêng của vợ, chồng trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Phần tài sản còn lại không chia vẫn là tài sản chung của vợ chồng*” (Điều 40). So với Luật HN&GD năm 2000 thì Luật HN&GD năm 2014 đã quy định thêm về trường hợp “*vợ chồng có thỏa thuận khác*” thể hiện sự tôn trọng của pháp luật đối với sự tự do ý chí thỏa thuận của vợ chồng. Đồng thời những thỏa thuận của vợ chồng về chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân cũng không làm thay đổi quyền nghĩa vụ về tài sản được xác lập trước đó giữa vợ, chồng với người thứ ba.

Như vậy, quy định về hậu quả pháp lý của việc chia tài sản chung vợ chồng thì chỉ phần tài sản được chia và hoa lợi lợi tức phát sinh từ đó mới được coi là tài sản riêng còn các tài sản khác vẫn chịu sự chi phối của quy chế pháp lý về tài sản chung. Sau khi chia tài sản chung và một bên vợ hoặc chồng sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh riêng thì người đó hoàn toàn chủ động và có quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến tài sản này mà không chịu sự chi phối của người kia. Theo các quy định về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng đối với tài sản chung tài, sản riêng thì người chồng vợ không trực tiếp kinh doanh vẫn có quyền thể hiện ý chí khi vợ hoặc chồng định đoạt tài sản riêng mà tài sản đó đã đưa vào sử dụng, hoa lợi, lợi tức là nguồn sống duy nhất của gia đình. Vì vậy cần phải có quy định cụ thể về vấn đề này. Bởi vì khi đã chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân để mặc bên vợ hoặc chồng kinh doanh riêng thì phần lợi tức thu được từ hoạt động kinh doanh đó là tài sản riêng. Chia tài sản chung để một bên vợ chồng đầu tư kinh doanh riêng chỉ là vấn đề không thống nhất được việc sử dụng tài sản để đầu tư kinh doanh, không phải phát sinh từ những mâu thuẫn nội tại trong quan hệ vợ chồng. Việc quy định hậu quả pháp lý của việc chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân theo Điều 40 của Luật HN&GD năm 2014 là phù hợp. Ngoài ra, đối với những tài sản riêng khác mà vợ chồng có trước trong hoặc sau khi chia tài sản chung, nếu họ sử dụng tài sản riêng đó vào hoạt động sản xuất kinh doanh riêng thì những thu nhập này hay hoa lợi, lợi tức thu được sẽ là tài sản riêng của vợ, chồng. Nếu họ không sử dụng vào việc sản xuất kinh doanh riêng thì những hoa lợi, lợi tức đó vẫn là tài sản chung của vợ chồng, chịu sự điều chỉnh của pháp luật về tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

5. Trường hợp một bên tự ý đưa tài sản chung của vợ chồng để đầu tư, kinh doanh mà một bên không biết hoặc không có thỏa thuận

5.1. Quy định của pháp luật khi một bên đưa tài sản chung của vợ chồng để đầu tư, kinh doanh

Trong trường hợp một bên vợ hoặc chồng thực hiện việc đưa tài sản chung của vợ chồng vào đầu tư, kinh doanh thì có văn bản ủy quyền của chồng hoặc vợ mình thì khoản đầu tư, kinh doanh này mới được coi là hợp pháp (Nguyễn, 2012). Theo quy định của pháp luật HN&GD, vợ, chồng có thể ủy quyền cho nhau xác lập, thực hiện và chấm dứt các giao dịch mà pháp luật quy định cần có sự đồng ý của vợ chồng, việc ủy quyền phải được lập thành văn bản. Tức là khi vợ chồng thực hiện giao dịch liên quan đến tài sản chung có giá trị lớn, tài sản chung đó là nguồn sống duy nhất của gia đình, dùng tài sản để đầu tư kinh doanh thì phải có sự bàn bạc thỏa thuận của vợ chồng nhưng do chồng hoặc vợ không thể trực tiếp tham gia giao dịch thì có thể ủy quyền cho vợ hoặc chồng mình thực hiện toàn bộ giao dịch đó.

Mặt khác, có những giao dịch không thể hủy bỏ được do tính chất đặc biệt của nó, chẳng hạn việc mua bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, hay đầu tư vào đồng tiền ảo. Do tính chất đặc biệt của loại giao dịch này, khi vợ hoặc chồng muốn tham gia vào thị trường mua bán cổ phiếu, họ sẽ đến sàn giao dịch chứng khoán đăng ký tài khoản, họ chỉ cần mở tài khoản ở ngân hàng để giao dịch. Khi đăng ký mua hoặc bán mã cổ phiếu nào đó, đó họ chỉ cần đặt lệnh mua hoặc bán, sau khi có sự chấp thuận tương ứng của bên bán hoặc mua thì sẽ khớp lệnh. Trong thời gian rất ngắn (một vài ngày), cổ phiếu và tiền trong tài khoản của người khi mua và bán cổ phiếu sẽ được hoán đổi cho nhau. Việc mua bán cổ phiếu thông thường phải dùng đến khối lượng tài sản tương đối lớn, trong khi việc thể hiện ý chí của người chồng hoặc người vợ trong trường hợp này là không thể thực hiện được. Khách hàng của trung tâm lưu ký chứng khoán được bảo vệ tài sản của mình và được bảo mật (Điều 55 Luật Chứng khoán năm 2019), người chồng hoặc người vợ của họ không thuộc diện được trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp thông tin liên quan đến tài sản của họ. Vì vậy, để hạn chế tình trạng này pháp Luật chứng khoán cần quy định khi khách hàng đến đăng ký tài khoản để giao dịch chứng khoán cần phải có văn bản thỏa thuận giữa vợ và chồng về việc đồng ý cho một bên tham gia mua bán chứng khoán nếu tài sản đó là tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất. Nếu là tài sản riêng của khách hàng thì cần có văn bản xác nhận của chồng hoặc vợ của họ về tài sản đó; hoặc trước khi khách hàng được đăng ký tài sản để thực hiện mua, bán chứng khoán, trung tâm lưu ký chứng khoán cần có văn bản thông báo cho vợ hoặc chồng của họ và gia hạn trong thời gian nhất định nếu không có sự phản đối thì khách hàng đó được chấp nhận việc đăng ký. Trong quá trình thực hiện việc mua bán chứng khoán, vợ chồng phải tuân theo những quy định chung của pháp luật chứng khoán mà không bị ràng buộc bởi pháp luật hôn nhân và gia đình.

5.2. Xác định trách nhiệm dân sự của vợ chồng khi một bên tự ý đưa tài sản chung của vợ chồng vào đầu tư, kinh doanh mà bên kia không biết hoặc không có thỏa thuận

Trong trường hợp vợ, chồng tự ý tự ý đưa tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất của vợ chồng để đầu tư, kinh doanh mà bên kia không biết hoặc không có thỏa thuận thì khi phát sinh trách nhiệm dân sự, người thực hiện hợp đồng mua bán tài sản phải thực hiện bằng tài sản riêng của mình, nếu không đủ thì thực hiện bằng phần tài sản của họ trong khối tài sản chung. Hợp đồng mua bán tài sản được coi là vô hiệu toàn bộ. Cũng có những quan điểm cho rằng hợp đồng chỉ vô hiệu một phần vì phần tài sản của người thực hiện hợp đồng có trong tài sản thuộc sở hữu chung đó vẫn có hiệu lực pháp luật. Theo quan điểm của nhóm tác giả, tài sản chung của vợ chồng thuộc sở hữu chung hợp nhất, về nguyên tắc, không phân biệt được phần tài sản của mỗi bên vợ chồng. Tài sản chung của vợ chồng chỉ được xác định phần quyền cụ thể để để của mỗi bên trong trường hợp chia tài sản chung khi có lý do chính đáng trong thời kỳ hôn nhân ăn mặc khi vợ, chồng chết, khi vợ chồng ly hôn. Do đó, khi một bên vợ chồng tự ý thực hiện hợp đồng mua bán tài sản thuộc

sở hữu chung của vợ chồng được coi là vi phạm điều kiện để giao dịch dân sự hợp pháp, đó là vi phạm sự tự nguyện trong giao kết hợp đồng dân sự (Điều 17 BLDS năm 2015); hoặc có thể còn thuộc trường hợp giao dịch vô hiệu do lừa dối (Điều 122 BLDS 2015) (Cố ý làm cho bên kia hiểu sai lệch về đối tượng của hợp đồng mua bán tài sản như nói dối tài sản đó là tài sản riêng của mình). Phương thức kiện đòi tài sản được áp dụng theo quy định của Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp vợ chồng đã chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, rồi sau đó vợ chồng lại dùng tài sản chung từ tài sản riêng góp chung lại để thực hiện việc mua bán tài sản, khi phát sinh trách nhiệm dân sự sẽ xác định dựa trên phần tài sản chung ban đầu của vợ chồng và phần tài sản riêng của mỗi bên vợ, chồng. Ở đây cần phân biệt với trường hợp sau khi chia tài sản chung vợ chồng lại nhập tài sản riêng vào tài sản chung hoặc vợ chồng khôi phục chế độ tài sản chung (nhập tài sản riêng vào tài sản chung, khôi phục chế độ tài sản chung phải được thực hiện bằng văn bản).

Đối với quy định vấn đề này, pháp luật HN&GD của Pháp và pháp luật HN&GD của Việt Nam cũng có những quy định khá tương tự nhau. Và “*vợ hoặc chồng có thể ủy quyền cho người kia thực hiện những quyền của mình theo chế độ tài sản của hôn nhân*”(Điều 218 BLDS Pháp); nếu vợ hoặc chồng vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình, làm ảnh hưởng đến lợi ích của gia đình thì thẩm phán phụ trách các vụ việc về hôn nhân và gia đình có thể quyết định áp dụng những biện pháp khẩn cấp cần thiết để bảo đảm lợi ích của gia đình. Có thể cấm người vợ hoặc người chồng đó thực hiện các hành vi định đoạt tài sản riêng của mình hoặc tài sản chung của vợ chồng nếu không có sự đồng ý của người kia. Thẩm phán có thể cấm dịch chuyển động sản, trừ trường hợp động sản đó dành sử dụng cho cá nhân của vợ hoặc chồng. Nếu quyết định đó cần được công bố công khai thì người vợ hoặc người chồng đã yêu cầu thẩm phán ra quyết định công bố quyết định đó. Việc công bố này không còn hiệu lực khi hết thời hạn quy định trong quyết định...Vợ hoặc chồng có thể yêu cầu tuyên bố vô hiệu mọi giao dịch vi phạm quyết định trên, thời hạn yêu cầu là hai năm kể từ khi biết giao dịch. Qua đó có thể thấy, pháp luật Pháp đã quy định khá chi tiết, có cơ chế giám sát chặt chẽ việc vợ chồng thực hiện quyền và nghĩa vụ về tài sản trong hôn nhân để có sự can thiệp kịp thời, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người vợ hoặc người chồng còn lại và lợi ích chung của gia đình, cũng như người thứ ba khi tham gia giao dịch với vợ chồng sẽ biết được tình trạng của vợ chồng đó, nếu cố tình xác lập giao dịch sẽ bị coi là không ngay tình. Đây là điểm tiến bộ và hợp lý trong xã hội hiện đại mà pháp luật Việt Nam có thể tham khảo để hoàn thiện pháp luật HN&GD. Ngoài ra, pháp luật Pháp còn quy định: Vợ hoặc chồng có thể mở tài khoản tiền gửi và tài khoản chứng khoán mà không cần sự đồng ý của người kia. Việc định đoạt số tiền này hoàn toàn do họ tự quyết định, kể cả sau khi hôn nhân chấm dứt (Điều 221 BLDS Pháp). Quy định này của pháp luật Pháp cũng tương tự như quy định tại Điều 32 Luật HN&GD Việt Nam năm 2014, xuất phát từ tính đặc thù của những giao dịch tiền gửi và giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán.

Như vậy, pháp luật Việt Nam và pháp luật của Cộng hòa Pháp điều chỉnh về việc quản lý, định đoạt tài sản chung của vợ chồng có những nét tương đồng và khác biệt nhất định. Pháp luật Việt Nam có thể có những sửa đổi bổ sung phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của mình nhằm đảm bảo tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng và của người thứ ba khi tham gia các giao dịch về tài sản với vợ chồng.

6. Hoàn thiện các quy định của pháp luật về chia tài sản chung của vợ chồng để đầu tư kinh doanh

6.1. Về quyền yêu cầu chia tài sản chung để một bên đầu tư kinh doanh riêng

Vợ, chồng hoặc cả hai vợ chồng đều có quyền yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân để đầu tư kinh doanh riêng. Trong quá trình thực hiện các công việc kinh doanh, khi vợ hoặc chồng có nghĩa vụ tài sản riêng thì nghĩa vụ tài sản đó được thực hiện bằng tài sản riêng của họ, tài sản chung của vợ chồng không được sử dụng cho việc thanh toán các khoản nợ này trừ khi vợ chồng có thỏa thuận. Tuy nhiên, một vấn đề đặt ra là trong nhiều trường hợp người có nghĩa vụ tài sản riêng không có hoặc không đủ tài sản riêng để thực hiện nghĩa vụ của mình với người thứ ba và họ cũng không thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng hoặc không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung nhiều tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình. Trong trường hợp này nếu không thừa nhận quyền yêu cầu người thứ ba (chủ nợ) về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ khó mà đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Tuy nhiên, nếu quy định cho họ có quyền yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng phải chia tài sản chung để người có nghĩa vụ thực hiện việc trả nợ cho họ cũng không hợp lý, bởi việc chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là quyền nhân thân gắn liền với vợ, chồng trong quan hệ hôn nhân. Nếu quy định người thứ ba có quyền này thiết nghĩa là không hợp lý. Để khắc phục những hạn chế trên để quyền yêu cầu chia tài sản chung đồng thời nhằm góp phần bảo vệ quyền lợi ích chính đáng của người thứ ba khi họ tham gia vào các quan hệ tài sản liên quan đến vợ hoặc chồng thì pháp luật có thể quy định họ có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố việc chia tài sản chung vợ chồng là vô hiệu nếu như có những căn cứ chứng minh về chia tài sản đó nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ với họ.

6.2. Về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng sau khi chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân

Pháp luật HN&GD Việt Nam chưa có những quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng sau khi chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, vì vậy đã gây nhiều khó khăn trong xét xử khi có tranh chấp phát sinh trong thực tế. Để khắc phục những thiếu sót trên thì cần phải có quy định thống nhất để có căn cứ xác định tài sản chung tài sản riêng của vợ chồng sau khi chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Bởi vì việc xác định đâu là tài sản chung, tài sản riêng có quan hệ mật thiết với việc xác định được chính xác quyền và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng.

Ngoài ra, đối với trường hợp vợ chồng chia toàn bộ khối tài sản trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ gây khó khăn tới đời sống chung của gia đình, Luật HN&GD cần quy định cụ thể theo hướng: Vợ chồng thỏa thuận về mức đóng góp các chi phí và đảm bảo cho nhu cầu sinh hoạt thiết yếu hàng ngày của gia đình sau khi chia tài sản chung. Sự thỏa thuận này của vợ chồng cần phải thể hiện rõ trong văn bản thỏa thuận chia tài sản chung. Nếu vợ chồng không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết toán dựa vào khả năng tài chính và thu nhập thực tế của từng bên để quy định mức đóng góp của vợ chồng đối với đời sống cho phù hợp. Đồng thời, pháp luật cũng cần phải có những quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng trong trường hợp một bên có khăn, lâm vào tình trạng túng thiếu do lý do khách quan để đảm bảo cuộc sống bình thường trong khi bên còn lại có điều kiện kinh tế và có tài sản riêng. Bên cạnh đó cũng cần quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chưa thành niên, con đã thành niên nhưng bị tàn tật không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Bởi vì khi vợ chồng chia tài sản chung có thể sống chung hoặc sống riêng thì người con phải chịu nhiều rất nhiều thiệt thòi lên nghĩa vụ nuôi dưỡng con cái phải được đảm bảo.

7. Phần kết

Qua việc lựa chọn và nghiên cứu đề tài “*Chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân để đầu tư kinh doanh thời kì công nghệ số*”, có thể rút ra một số kết luận như sau. *Thứ nhất*, các vấn đề lý luận thực tế về thời kỳ công nghệ số và về chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân để đầu tư kinh doanh. Những vấn đề lý luận này có sẽ góp phần đánh giá được sự tính phù hợp hay không về các quy định của pháp luật hiện hành. *Thứ hai*, tập trung đi sâu vào các vấn đề cụ thể như là: quyền thỏa thuận yêu cầu chia tài sản chung; phạm vi tài sản chung của vợ chồng được chia; quyền, nghĩa vụ của vợ chồng sau khi chia tài sản chung; hậu quả pháp lý của việc chia tài sản chung.. Ngoài ra, bài nghiên cứu đã phân tích những loại hình đầu tư kinh doanh trực tiếp của vợ chồng như đầu tư tiền ảo, thị trường chứng khoán, sàn giao dịch,.. Qua những loại hình đầu tư này, có thể thấy rõ những hậu quả pháp lý của việc chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân để vợ chồng đầu tư kinh doanh riêng trong một số lĩnh vực nhất định. *Thứ ba*, bài nghiên cứu đã phân tích những điểm vướng mắc, bất cập khi vận dụng các quy định của pháp luật về chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân vào thực tế. Đồng thời, cũng đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân với mục đích đầu tư kinh doanh riêng.

Luôn đi sau sự vận động, phát triển của các quan hệ xã hội, nên những bất cập, lỗ hổng trong pháp luật là điều không thể tránh khỏi. Chính vì vậy, đòi hỏi các nhà làm luật phải tiếp tục nghiên cứu, học hỏi để nhanh chóng hoàn thiện những lỗ hổng của pháp luật nhằm tạo ra một khung pháp lý vững chắc cho việc giải quyết các vấn đề đang diễn ra trong đời sống xã hội, nhất là trong bối cảnh cách mạng 4.0 hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Cơ quan ngôn luận của Bộ Công thương (2021), “Thương mại điện tử, “miếng bánh” hấp dẫn hút các nhà đầu tư”, <https://congthuong.vn/thuong-mai-dien-tu-mieng-banh-hap-dan-hut-cac-nha-dau-tu-157165.html>, truy cập ngày 15/09/2021.
- Đỗ, N. (2021), “Bất chấp cảnh báo, giao dịch mua bán, trao đổi tiền ảo vẫn “nở rộ””, *Cơ quan ngôn luận của Bộ Công thương*, <https://congthuong.vn/bat-chap-canhh-bao-giao-dich-mua-ban-trao-doi-tien-ao-van-no-ro-163800.html>, truy cập ngày 10/09/2021.
- Ngô, T.V.A. & Đặng, L.P.U. (2019), “Thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân”, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, Vol. 13 No. 6, tr. 24-36.
- Nguyễn, T.H.V. (2006), “Chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, *Luận văn thạc sĩ Luật học*, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
- Nguyễn, T.L. (2012), “Một số vấn đề về hợp đồng mua bán tài sản thuộc quyền sở hữu chung của vợ chồng”, *Tạp chí Luật học*, Vol. 11 No. 8, tr. 08-18.
- Nguyễn, T.L. (2018), “Quản lý, định đoạt tài sản chung của vợ chồng - Nghiên cứu so sánh pháp luật của Việt Nam và pháp luật của Pháp”, *Tạp chí Thực tiễn và pháp luật*, Vol. 2 No. 26, tr. 52-63.
- Nguyễn, V.C. (2000), “Chia tài sản chung của vợ chồng khi hôn nhân đang tồn tại”, *Toà án nhân dân*, Vol. 4 No. 9, tr. 18-21.
- Phạm, M.H.H. (2013), “Chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân theo pháp luật Việt Nam”, *Luận văn thạc sĩ Luật học*, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- Quốc Hội. (2000), Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Hà Nội.
- Quốc Hội. (2014), Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hà Nội.
- Quốc Hội. (2015), Bộ Luật dân sự năm 2015, Hà Nội.
- Quốc Hội. (2019), Luật Chứng khoán 2019, Hà Nội.
- Quốc Hội. (2020), Luật Đầu tư năm 2020, Hà Nội.
- Tổng, T.L. (2015), “Chia tài sản chung của vợ chồng để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh”, *Luận văn thạc sĩ Luật học*, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- Trần, T.L. (2019), “Pháp luật của một số nước về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân”, *Cơ quan ngôn luận của Bộ Công thương*, <https://www.tapchicongthuong.vn/bai-viet/phap-luat-cua-mot-so-nuoc-ve-chia-tai-san-chung-cua-vo-chong-trong-thoi-ky-hon-nhan-63451.htm>, truy cập ngày 12/09/2021.
- Tư pháp. (2006), *Bộ luật Dân sự nước Cộng hòa Pháp (Bản tiếng Anh và bản dịch)*.
- Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. (2019), “Tác động của Khoa học công nghệ đến chức năng gia đình hiện nay”, <https://vass.gov.vn/tap-chi-vien-han-lam/tac-dong-cua-khoa-hoc-cong-nghe-den-chuc-nang-gia-dinh-hien-nay-17>, truy cập ngày 15/09/2021.
- Việt, A. (2021), “Kinh doanh online “lên ngôi””, *Cơ quan ngôn luận của Bộ Công thương*, <https://congthuong.vn/kinh-doanh-online-len-ngoi-152785.html>, truy cập ngày 12/09/2021.